

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ  
Giáo dục và Đào tạo số 44/2003/  
QĐ-BGDĐT ngày 26/9/2003 về  
việc ban hành Quy định tạm  
thời về đánh giá, xếp loại học  
sinh lớp 1, lớp 2.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC  
VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Chỉ thị số 43/2001/CT-TTg ngày 11/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội;*

*Căn cứ Quyết định số 43/2001/QĐ-BGDĐT ngày 09/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình tiểu học;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết

định này Quy định tạm thời về đánh giá, xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và được áp dụng cho học sinh các khối lớp 1, lớp 2 ở tất cả các loại hình trường tiểu học trong hệ thống giáo dục quốc dân từ năm Học 2003 - 2004. Các khối lớp 3, 4, 5 tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 15/GD-ĐT ngày 02/8/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 37/2002/QĐ-BGDĐT ngày 03/9/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tạm thời về đánh giá, xếp loại học sinh lớp 1. Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Các Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo  
*Thứ trưởng*

**ĐẶNG HUỲNH MAI**

## **QUY ĐỊNH tạm thời về việc đánh giá và xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 44/2003/QĐ-BGDĐT ngày 26/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

### *Chương I*

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về nguyên tắc, cách đánh giá và xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2; quy định trách nhiệm của nhà trường trong việc đánh giá, xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2.

##### **Điều 2.** Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá và xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2 phải đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình và các mặt hoạt động giáo dục.
2. Kết hợp đánh giá định lượng và định tính trong xếp loại.
3. Thực hiện công khai, công bằng, khách quan, chính xác và toàn diện.
4. Coi trọng việc động viên, khuyến khích học sinh tiến bộ.
5. Phát huy tính năng động, sáng tạo,

khả năng tự học, tự đánh giá của học sinh; xây dựng niềm tin, rèn luyện đạo đức theo truyền thống Việt Nam.

### *Chương II*

#### **CÁCH ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI**

##### **Mục 1. ĐÁNH GIÁ VỀ HẠNH KIỂM**

##### **Điều 3.** Nội dung nhận xét đánh giá

Học sinh được đánh giá về hạnh kiểm bằng nhận xét (không xếp loại) theo kết quả thực hiện bốn nhiệm vụ của học sinh tiểu học quy định trong Điều lệ trường tiểu học, cụ thể là:

1. Biết vâng lời thầy giáo, cô giáo; lễ phép trong giao tiếp hàng ngày; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè.

2. Đi học đều và đúng giờ; giữ trật tự khi ra vào lớp và khi ngồi học; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập.

3. Giữ gìn thân thể và vệ sinh cá nhân; đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ; ăn uống hợp vệ sinh.

4. Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản của trường, lớp và nơi công cộng; bước đầu biết thực hiện các quy tắc về an toàn giao thông và trật tự xã hội.

##### **Điều 4.** Cách ghi nhận xét

Học sinh thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh tiểu học được quy định ở

Điều 3 của văn bản này được ghi là thực hiện đầy đủ (Đ). Học sinh chưa thực hiện đầy đủ được ghi là chưa thực hiện đầy đủ (CĐ), đối với những học sinh này, giáo viên cần ghi nhận xét cụ thể những điểm mà học sinh chưa thực hiện được vào sổ theo dõi của giáo viên để có kế hoạch giúp đỡ.

#### **Điều 5.** Thời điểm đánh giá

Học sinh được nhận xét hạnh kiểm vào cuối học kỳ I và cuối năm học.

### **Mục 2. ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI VỀ HỌC LỰC**

**Điều 6.** Đánh giá bằng điểm số và đánh giá bằng nhận xét

1. Các môn học đánh giá bằng điểm số:  
Môn Toán và môn Tiếng Việt

Các môn học này được đánh giá theo thang điểm 10, không cho điểm 0 và điểm thập phân ở các lần kiểm tra.

2. Các môn còn lại (Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Nghệ thuật, Thể dục) được đánh giá bằng nhận xét của giáo viên theo hai mức:

a) Loại hoàn thành (A): đạt được yêu cầu cơ bản về kiến thức và kỹ năng của môn học. Những học sinh đạt loại Hoàn thành nhưng thể hiện rõ năng lực học tập về môn học sẽ được giáo viên ghi nhận xét Hoàn thành tốt (A+). Học sinh

có năng khiếu đặc biệt được giáo viên ghi nhận xét cụ thể trong học bạ.

b) Loại Chưa hoàn thành (B): chưa đạt những yêu cầu theo quy định.

#### **Điều 7.** Đánh giá thường xuyên

1. Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện ở tất cả các tiết học theo quy định của chương trình nhằm mục đích theo dõi, động viên, khuyến khích hay nhắc nhở học sinh học tập tiến bộ, đồng thời để giáo viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục.

2. Việc đánh giá thường xuyên được tiến hành dưới các hình thức kiểm tra thường xuyên, gồm: kiểm tra miệng, quan sát học sinh học tập hoặc hoạt động, bài tập thực hành, kiểm tra viết (dưới 20 phút).

3. Số lần kiểm tra thường xuyên tối thiểu cho các môn học như sau:

a) Môn Tiếng Việt mỗi tháng có 4 lần.

b) Môn Toán mỗi tháng có 2 lần.

c) Các môn (phần môn) còn lại thực hiện theo quy định đánh giá bằng nhận xét (được hướng dẫn cụ thể tại Sổ theo dõi kết quả kiểm tra - đánh giá học sinh lớp 1, lớp 2).

#### **Điều 8.** Đánh giá định kỳ

1. Việc đánh giá định kỳ kết quả học tập của học sinh được tiến hành sau từng giai đoạn học. Ngoài mục đích như đánh

giá thường xuyên, đánh giá định kỳ còn có mục đích quản lý hành chính.

2. Việc đánh giá định kỳ được tiến hành dưới các hình thức kiểm tra định kỳ (KTĐK), gồm: kiểm tra miệng, quan sát học sinh học tập hoặc hoạt động, bài tập thực hành, kiểm tra viết (20 đến 35 phút).

3. Số lần kiểm tra định kỳ cho các môn học như sau:

a) Môn Tiếng Việt và môn Toán mỗi năm học có 4 lần điểm kiểm tra định kỳ vào giữa học kỳ I (GKI), cuối học kỳ I (CKI), giữa học kỳ II (GKII) và cuối học kỳ II (CKII).

b) Các môn (phân môn) còn lại thực hiện theo quy định đánh giá bằng nhận xét (được hướng dẫn cụ thể tại Sổ theo dõi kết quả kiểm tra - đánh giá học sinh lớp 1, lớp 2).

4. Trường hợp học sinh không đủ số điểm kiểm tra định kỳ với lý do chính đáng, giáo viên cần bố trí thời điểm thích hợp cho học sinh làm bài kiểm tra thay thế để có căn cứ đánh giá về học lực môn. Những học sinh có sự bất thường về kết quả kiểm tra định kỳ và kiểm tra thường xuyên sẽ được giáo viên phụ trách lớp đề nghị và hiệu trưởng xem xét, quyết định tiến hành thêm kiểm tra định kỳ.

**Điều 9. Đánh giá và xếp loại học lực về từng môn học**

Học sinh được xếp loại học lực môn học kỳ I (HLM.KI), học lực môn học kỳ II

(HLM.KII) và học lực môn cả năm (HLM.N) ở tất cả các môn học.

**1. Đối với các môn được đánh giá bằng điểm số:**

a) Xác định điểm học lực môn:

- Điểm HLM.KI là trung bình cộng của điểm KTĐK.GKI và điểm KTĐK.CKI.

- Điểm HLM.KII là trung bình cộng của điểm KTĐK.GKII và điểm KTĐK.CKII.

- Điểm HLM.N là trung bình cộng của điểm HLM.KI và điểm HLM.KII (riêng điểm HLM.N là điểm nguyên và thực hiện theo nguyên tắc làm tròn 0,5 thành 1).

b) Xếp loại học lực môn:

- Loại Giỏi, điểm học lực môn đạt từ 9 đến 10.

- Loại Khá, điểm học lực môn đạt từ 7 đến 8,5.

- Loại Trung bình, điểm học lực môn đạt từ 5 đến 6,5.

- Loại Yếu, điểm học lực môn đạt điểm dưới 5.

**2. Đối với các môn được đánh giá bằng nhận xét**

- HLM.KI chính là kết quả đánh giá dựa trên các nhận xét đạt được trong học kỳ I.

- HLMK.II chính là kết quả đánh giá

dựa trên các nhận xét đạt được trong cả năm.

- HLM.N chính là HLMK.II.

### **Điều 10.** Những quy định khác

1. Mỗi lần kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt có 2 bài kiểm tra: Đọc, Viết. Điểm của 2 bài kiểm tra này được quy về 1 điểm chung là trung bình cộng điểm của 2 bài (làm tròn 0,5 thành 1).

2. Các phân môn Âm nhạc, Mỹ thuật và Thủ công được đánh giá như một môn học độc lập.

### *Chương III*

## SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

### **Điều 11.** Xét lên lớp

1. Những học sinh có điểm HLM.N của tất cả các môn học được đánh giá bằng điểm số đạt từ 5 trở lên và HLM.N của các môn (phân môn) đánh giá bằng nhận xét đạt loại A trở lên được lên lớp thẳng.

2. Những học sinh có những môn học điểm HLM.N dưới 5 theo đánh giá bằng điểm số phải thi lại; nếu đạt 5 trở lên ở môn thi lại; hoặc điểm trung bình cộng các môn thi lại đạt 5 trở lên (làm tròn 0.5 thành 1), trong đó không có môn dưới điểm 4 thì được lên lớp. Tùy trường hợp cụ thể, hiệu trưởng tổ chức cho giáo viên hướng dẫn học sinh ôn tập và thi lại nhiều lần (vào thời điểm cuối

năm học hoặc sau hè), trước khi quyết định lưu ban.

Những học sinh xếp loại học lực môn cả năm loại B theo đánh giá bằng nhận xét cần được giáo viên thường xuyên giúp đỡ trong thời gian cuối năm học để vươn tới mức học lực môn cả năm loại A.

### **Điều 12.** Xét khen thưởng

Những học sinh được lên lớp thẳng được xét khen thưởng theo các mức sau:

1. Khen thưởng danh hiệu Học sinh Giỏi cho những học sinh được nhận xét thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh và điểm học lực môn năm của cả hai môn Toán và Tiếng Việt đạt loại giỏi, các môn (phân môn) còn lại có ít nhất 2/3 số môn (phân môn) đạt học lực môn năm loại Hoàn thành tốt (A+).

2. Khen thưởng danh hiệu Học sinh tiên tiến cho những học sinh được nhận xét thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh và điểm học lực môn năm thuộc một trong ba trường hợp sau:

a) Toán, Tiếng Việt đạt loại giỏi, ít nhất 1/3 số môn (phân môn) còn lại đạt loại Hoàn thành tốt (A+).

b) Toán, Tiếng Việt một môn đạt loại khá, một môn đạt loại giỏi, ít nhất 1/2 số môn (phân môn) còn lại đạt loại Hoàn thành tốt (A+).

c) Toán, Tiếng Việt đạt loại khá, tất cả các môn (phân môn) còn lại đạt loại Hoàn thành tốt (A+).

3. Khen thưởng thành tích từng mặt cho những học sinh không đạt những danh hiệu trên nhưng thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh, có tiến bộ trong học tập, có thành tích trong các hoạt động; có năng khiếu đặc biệt, học giỏi ở từng môn học (Toán và Tiếng Việt), đạt loại A+ đối với các môn còn lại, chữ viết đẹp; có hành vi hoặc việc làm tốt về đạo đức.

#### Chương IV

### TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁO VIÊN, HIỆU TRƯỞNG VÀ HỌC SINH TRONG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

**Điều 13.** Trách nhiệm của giáo viên phụ trách lớp

1. Chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá, xếp loại học sinh theo quy định.

2. Có trách nhiệm công bố kết quả đánh giá, nhận xét, hạnh kiểm, xếp loại học lực cho học sinh, cha mẹ hoặc người giám hộ và ghi đủ vào các loại hồ sơ quản lý học sinh theo quy định.

3. Hoàn thành hồ sơ về đánh giá xếp loại học sinh, có trách nhiệm bàn giao kết quả học tập và rèn luyện của từng học sinh cho giáo viên phụ trách lớp 2, lớp 3 kế tiếp.

**Điều 14.** Trách nhiệm của hiệu trưởng

1. Tổ chức, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đánh giá xếp loại học sinh của giáo viên phụ trách lớp.

2. Duyệt kết quả đánh giá, nhận xét, xếp loại cuối học kỳ, cuối năm học của các lớp và chỉ đạo việc xét cho học sinh lên lớp hay thi lại. Ký tên xác nhận kết quả ở học bạ ngay sau khi năm học kết thúc.

3. Tiếp nhận và giải quyết các ý kiến của học sinh, khiếu nại của cha mẹ hoặc người giám hộ về đánh giá, nhận xét, xếp loại theo phạm vi và quyền hạn của mình. Thời gian trả lời khiếu nại chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.

4. Tổ chức và quản lý các hồ sơ về nhận xét, đánh giá, xếp loại học sinh.

5. Cùng tập thể sư phạm quyết định về số học sinh tiêu biểu (xuất sắc) được lựa chọn từ số học sinh giỏi của trường.

**Điều 15.** Trách nhiệm và quyền được khiếu nại của học sinh

1. Học sinh có trách nhiệm thực hiện tốt các nhiệm vụ quy định trong điều lệ trường tiểu học; tiếp thu sự giáo dục của nhà trường để luôn tiến bộ.

2. Học sinh có quyền nêu ý kiến với giáo viên phụ trách lớp, với Hiệu trưởng nhà trường khi thấy mình chưa được đánh giá, nhận xét, xếp loại chính xác, công bằng./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục  
và Đào tạo  
*Thứ trưởng*

ĐẶNG HUỲNH MAI